

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN KRÔNG NĂNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 02 năm 2019

“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Phong.

2/ Bà Nguyễn Thị Chinh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 và thông báo mở phiên tòa số 12/TB-TA ngày 28/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quang S, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 61 Đường L, TP V. (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 1, tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Quang S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1994 ông và bà Nguyễn Thị Tuyết M cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K trên tinh thần tự nguyện yêu thương nhau, cuộc sống chung hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2001 phát sinh mâu thuẫn, lý do tính tình hai người không hợp nhau, ông và bà M đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó ông và M đã rút đơn đoàn tụ chung sống. Tuy nhiên đến năm 2005 thì mâu thuẫn lại tiếp tục phát sinh, hai người không tìm được tiếng nói chung trong gia đình nên sau đó vợ chồng cũng ly thân, đến năm 2010 thì bà M xuất gia cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà M cũng đã vào chùa ở nên cũng không thể níu kéo để quay lại nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và bà M ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà M có 03 con chung là cháu Trần Quang Q, sinh ngày 12/11/2001; Trần Quang P, sinh ngày 9/10/2000; Trần Quang C, sinh ngày 05/8/1995.

Đối với cháu C và cháu P hiện đã trên 18 tuổi nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng cháu Q hiện chưa đủ 18 tuổi nên ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi cháu thành niên và không yêu cầu bà M phải trợ cấp nuôi chung cho ông.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà Minh có tạo dựng được khối tài sản chung, tuy nhiên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông đồng ý nộp hoàn toàn án phí theo quy định.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M tại phiên tòa hôm nay vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M nhưng bà M đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Xét qua đơn xin ly hôn của ông Trần Quang S, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M có nơi cư trú tại tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ đơn xác nhận ngày 11/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện K thì xác định quan hệ hôn nhân giữa ông S, bà M là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình hai người không hợp nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông S xác định tình cảm vợ chồng không còn và hiện bà M đã đi tu (vào chùa ở) nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà M, ông S sinh sống đều xác nhận tình trạng hôn nhân của ông S, bà M có mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân từ năm 2010 và hiện bà M đã xuất gia, ông S cũng chuyển đi nơi khác sinh sống.

Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, cho ông Trần Quang S ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết M.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống giữa ông S và bà M có 03 con chung tên là Trần Quang Q, sinh ngày 12/11/2001; Trần Quang P, sinh ngày 9/10/2000 và Trần Quang C, sinh ngày 05/8/1995. Hiện tại cháu C và cháu P đã đủ tuổi thành niên nên ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Quý, sinh ngày 12/11/2001 hiện chưa đủ 18 tuổi và ông S có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

HĐXX xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Tuy nhiên hiện cháu Q đang sống cùng ba, nguyện vọng của cháu Q cũng mong muốn được ở với ba. Căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Q cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông S không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Ông Trần Quang S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Quang S được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết M.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Quang Q, sinh ngày 12/11/2001 cho ông Trần Quang S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bà Nguyễn Thị Tuyết M không phải trợ cấp nuôi con chung cho ông Trần Quang Sương và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không ai có quyền cản trở việc đi lại thăm nom con chung.

3. Về án phí: Ông Trần Quang S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (do ông Nguyễn Mạnh U nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0010352 ngày 03 tháng 12 năm 2018. Ông Trần Quang S đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Trang

